UỶ BAN NHÂN DÂN **TỈNH HƯNG YÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 2279 /QĐ-UBND	*Hưng Yên, ngày 19 tháng 10 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Đồ án lập Quy hoạch xây dựng vùng dọc tuyến đường liên tỉnh Hà Nội - Hưng Yên đến năm 2040

UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ về quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Kết luận số 110-KL/TU ngày 01/7/2019 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về Quy hoạch xây dựng vùng dọc tuyến đường liên tỉnh Hà Nội - Hưng Yên đến năm 2040;

Căn cứ Quyết định số 22/2016/QĐ-UBND ngày 23/11/2016 của UBND tỉnh Ban hành Quy định phân cấp quản lý và phân công nhiệm vụ về lĩnh vực quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh Hưng Yên;

Căn cứ Quyết định số 3019/QĐ-UBND ngày 14/11/2017 của UBND tỉnh phê duyệt nhiệm vụ và dự toán lập Quy hoạch xây dựng vùng dọc tuyến đường liên tỉnh Hà Nội - Hưng Yên đến năm 2040;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Báo cáo thẩm định số 171/BCTĐ-SXD ngày 02/10/2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đồ án lập Quy hoạch xây dựng vùng dọc tuyến đường liên tỉnh Hà Nội - Hưng Yên đến năm 2040, với những nội dung chủ yếu sau:

1. Tên Đồ án

Quy hoạch xây dựng vùng dọc tuyến đường liên tỉnh Hà Nội - Hưng Yên đến năm 2040.

2. Chủ đầu tư lập quy hoạch: Sở Xây dựng Hưng Yên

3. Mục tiêu Đồ án

- Cụ thể hóa Điều chỉnh quy hoạch xây dựng vùng Thủ đô Hà Nội đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050; Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Hưng Yên đến năm 2020; Quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Hưng Yên đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050 đã được các cấp thẩm quyền phê duyệt.

- Kết nối không gian kinh tế của Thủ đô Hà Nội với không gian phát triển kinh tế của tỉnh Hưng Yên dọc tuyến đường liên tỉnh Hà Nội - Hưng Yên theo định hướng Điều chỉnh Quy hoạch xây dựng vùng Thủ đô Hà Nội, định hướng xây dựng vùng tỉnh Hưng Yên.

- Định hướng phát triển, kết nối các không gian đô thị, cảnh quan và hạ tầng kỹ thuật cho các đô thị và khu chức năng ngoài đô thị dọc tuyến đường liên tỉnh Hà Nội - Hưng Yên (đoạn từ nút giao với đường vành đai 4 vùng Thủ đô Hà Nội đến nút giao với đường nối cao tốc Tây Bắc với cao tốc Hà Nội - Hải Phòng theo quy hoạch).

- Kiểm soát không gian phát triển đô thị, các khu chức năng ngoài đô thị phù hợp với định hướng về phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Hưng Yên và các huyện: Khoái Châu, Yên Mỹ, Văn Giang; rà soát các dự án đầu tư trên địa bàn để đề xuất, kiến nghị hướng giải quyết, nhằm vận hành, khai thác tuyến đường an toàn và hiệu quả, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của khu vực.

- Làm cơ sở pháp lý để quản lý việc đầu tư xây dựng và phát triển của vùng dọc tuyến, khai thác và quản lý sử dụng một cách hiệu quả quỹ đất phát triển đô thị dọc tuyến; làm căn cứ để điều chỉnh hoặc điều chỉnh cục bộ quy hoạch xây dựng vùng tỉnh, quy hoạch chung đô thị, quy hoạch chi tiết các khu chức năng liên quan.

4. Tính chất

Là khu vực cửa ngõ phía Tây Bắc, đầu mối giao thông quan trọng kết nối trực tiếp tỉnh Hưng Yên với Thủ đô Hà Nội; có hệ thống cơ sở hạ tầng đồng bộ, hiện đại; có vị trí chiến lược về an ninh quốc phòng.

- Là khu vực phát triển kinh tế tổng hợp (công nghiệp - thương mại - dịch vụ, du lịch và nông nghiệp công nghệ cao) gắn với việc hình thành các đô thị mới, khu đô thị mới, các trung tâm đào tạo, nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao khoa học - kỹ thuật,... trên cơ sở định hướng của vùng Thủ đô Hà Nội, vùng đồng bằng sông Hồng và vùng tỉnh Hưng Yên.

5. Phạm vi ranh giới lập quy hoạch

Phạm vi lập quy hoạch xây dựng vùng dọc tuyến đường liên tỉnh Hà Nội - Hưng Yên (đoạn từ nút giao với đường vành đai 4 vùng Thủ đô Hà Nội đến nút giao với đường nối cao tốc Tây Bắc với cao tốc Hà Nội - Hải Phòng; chiều dài tuyến trong phạm vi lập quy hoạch khoảng 10km) bao gồm 18 xã & 01 thị trấn thuộc huyện Khoái Châu (trong đó 12 xã & 01 thị trấn toàn phần và 06 xã một phần diện tích); 06 xã thuộc huyện Yên Mỹ (01 xã toàn phần và 05 xã một phần diện tích); 04 xã thuộc huyện Văn Giang (04 xã một phần diện tích); với tổng diện tích khoảng 11.017,53ha, được giới hạn như sau:

- Phía Bắc giáp đường vành đai IV vùng Thủ đô Hà Nội.

- Phía Nam giáp đường nối cao tốc Tây Bắc với cao tốc Hà Nội - Hải Phòng (cao tốc Chợ Bến - Yên Mỹ).

- Phía Đông giáp đường cao tốc Hà Nội - Hải Phòng.

- Phía Tây giáp sông Hồng.

6. Quy mô diện tích, dân số và tỷ lệ đô thị hoá

a) Quy mô diện tích

Khu vực nghiên cứu lập quy hoạch bao gồm đất thuộc 18 xã và 01 thị trấn thuộc huyện Khoái Châu; 06 xã thuộc huyện Yên Mỹ và 04 xã thuộc huyện Văn Giang, với tổng diện tích khoảng 11.017,53ha.

b) Quy mô dân số và tỷ lệ đô thị hoá

- Dân số hiện trạng trong khu vực lập quy hoạch khoảng 148.932 người.

- Đến năm 2030 dân số khu vực lập quy hoạch khoảng 180.000 - 190.000 người, trong đó dân số đô thị khoảng 40.000 - 50.000 người. Tỷ lệ đô thị hóa khoảng 22%.

- Đến năm 2040 dân số khu vực lập quy hoạch khoảng 240.000 - 250.000 người, trong đó dân số đô thị khoảng 72.000 - 75.000 người. Tỷ lệ đô thị hóa khoảng 30%.

7. Định hướng phát triển không gian

7.1. Cấu trúc không gian vùng quy hoạch

Cấu trúc không gian vùng quy hoạch sẽ theo hướng gồm có: 02 hành lang, 01 trục kết nối và 01 trung tâm.

- 02 hành lang gồm: (1) Hành lang đô thị hóa mạnh, có chức năng phát triển công nghiệp, dịch vụ - thương mại, khu đô thị mới, khu dân cư dịch vụ. Phạm vi: Hai bên tuyến đường liên tỉnh Hà Nội - Hưng Yên (đường ĐT.379), đường nối hai cao tốc; thuộc địa bàn các xã Hoàn Long, Yên Phú, Yên Hòa, Minh Châu, Tân Dân, Dân Tiến; (2) Hành lang sinh thái, có chức năng phát triển khu vui chơi giải trí, khu ở sinh thái, nông nghiệp chất lượng cao. Ở về phía Tây đường ĐT.377, hai bên tuyến đường ĐT.378. Thuộc địa bàn các xã ven sông Hồng.

- 01 trục kết nối: Hình thành tuyến giao thông liên đô thị kết nối trung tâm đô thị Văn Giang và Khoái Châu (tuyến đi gần song song với kênh Cấp Tiến), có chức năng hỗ trợ, giảm tải cho tuyến đường liên tỉnh Hà Nội - Hưng Yên, thuộc địa bàn các xã Đông Tảo, Tân Dân, Ông Đình.

- 01 trung tâm: Đô thị Khoái Châu (mở rộng) là đô thị loại IV có tính chất là đô thị đầu mối giao thông của tỉnh, vùng; là một trong những trung tâm công nghiệp quan trọng của tỉnh; là trung tâm hành chính - chính trị, thương mại - dịch vụ, giáo dục - đào tạo, văn hóa - thể dục thể thao, khoa học công nghệ của

huyện Khoái Châu. Phạm vi gồm thị trấn Khoái Châu, các xã An Vĩ, Dân Tiến, Đồng Tiến, Hồng Tiến và một phần các xã Tân Dân, Phùng Hưng, Việt Hòa của huyện Khoái Châu.

7.2. Phân vùng quản lý, kiểm soát phát triển

Toàn vùng quy hoạch được phân thành 05 vùng để quản lý, kiểm soát phát triển.

a) Phân vùng 1: Vùng phát triển đô thị Khoái Châu; ga đường sắt cao tốc và đường sắt nội vùng (TOD).

- Phạm vi: Thuộc địa bàn thị trấn Khoái Châu, các xã: An Vĩ, Tân Dân, Dân Tiến, Phùng Hưng (huyện Khoái Châu) & xã Minh Châu (huyện Yên Mỹ).

Phân vùng này được tách thành 02 khu vực, gồm: Khu vực phát triển đô thị Khoái Châu (mở rộng) thuộc địa bàn huyện Khoái Châu và Khu vực trung tâm tiếp vận (TOD).

- Quy mô

+ Diện tích khoảng 2.325,84 ha trong đó: Diện tích đô thị Khoái Châu mở rộng nằm trong phạm vi vùng lập quy hoạch có khoảng 2.025,84ha (chiếm 60% diện tích đô thị Khoái Châu mở rộng dự kiến). Diện tích ga đường sắt cao tốc & đường sắt nội vùng (TOD) và khu vực lân cận khoảng 300ha.

+ Dân số dự báo đến năm 2040: Dân số đô thị Khoái Châu trong phạm vi vùng lập quy hoạch khoảng 72.000 người (chiếm khoảng 50% dân số toàn đô thị Khoái Châu mở rộng dự kiến). Dân số khu vực lân cận trung tâm tiếp vận khoảng 2000 người.

- Tính chất: Là đô thị đầu mối giao thông của tỉnh, vùng; là một trong những trung tâm công nghiệp quan trọng của tỉnh; là trung tâm hành chính - chính trị, thương mại - dịch vụ, giáo dục - đào tạo, văn hóa - thể dục thể thao, khoa học công nghệ của huyện Khoái Châu. Là đầu mối giao thông quan trọng của tỉnh và vùng.

- Định hướng phát triển không gian và hạ tầng xã hội

+ Đối với khu vực đô thị Khoái Châu, diện tích khoảng 2.025,84ha:

Phạm vi của khu công nghiệp Tân Dân giữ nguyên theo quy hoạch chi tiết được duyệt. Bên cạnh đó, ở khu vực giao giữa đường ĐT.379 và đường ĐT. 383 sẽ phát triển 01 cụm công nghiệp dành cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa, trên cơ sở khu vực hiện nay đã có các xí nghiệp công nghiệp đang hoạt động như: Dệt kim Đông Xuân, Công ty Royal Việt Nam, vv…

Dành quỹ đất đủ lớn để xây dựng cụm trường (đáp ứng đào tạo cho khoảng 15.000 sinh viên) hai bên đường ĐT.379, đoạn giữa hai xã: Tân Dân, Dân Tiến. Xây dựng cao tầng, mật độ xây dựng trung bình & thấp.

Về cơ bản các khu dân cư hiện hữu được giữ ổn định, được cải tạo, nâng cấp.

Các khu đô thị mới chủ yếu tập trung hai bên đường ĐT.383, đường ĐT.377 (hiện hữu), đường ĐH.57 và đường dọc Kênh Đông. Ưu tiên xây dựng cao tầng tại khu vực gần tuyến đường cao tốc Chợ Bến - Yên Mỹ, chiều cao giảm dần về phía thị trấn Khoái Châu hiện hữu. Mật độ xây dựng trung bình.

Trung tâm hành chính - chính trị của huyện Khoái Châu vẫn giữ ở vị trí hiện nay thuộc thị trấn Khoái Châu, một số cơ quan ban ngành của huyện Khoái Châu sẽ được bố trí trên trục đường ĐH.57; trung tâm văn hóa - thương mại - dịch vụ bố trí ở khu vực trung tâm đô thị (phía Đông thị trấn Khoái Châu hiện hữu), diện tích khoảng 40ha; trung tâm thể dục thể thao & trung tâm y tế của đô thị bố trí ở phía Nam, tiếp giáp đường cao tốc Chợ Bến - Yên Mỹ, hai bên tuyến đường ĐT.384, diện tích mỗi trung tâm khoảng 20ha. Ưu tiên xây dựng cao tầng, mật độ xây dựng trung bình & thấp.

Bố trí 02 công viên kết hợp mặt nước hồ tạo cảnh quan không gian mở tại khu vực phía Bắc, bên dòng sông Từ Hồ Sài Thị (thuộc địa bàn xã An Vĩ) khoảng 60ha và tại phía Đông (thuộc địa bàn xã Dân Tiến) khoảng 45ha.

Về khu dự trữ phát triển: Bố trí ở phía Tây thị trấn Khoái Châu hiện hữu và phần phía Tây xã An Vĩ (dọc theo tuyến tránh ĐT.377 dự kiến).

+ Đối với ga TOD và khu vực lân cận, diện tích khoảng 300ha:

Về ga TOD, dành diện tích khoảng 60ha, nằm dọc theo đường cao tốc Hà Nội - Hưng Yên với chiều dài ga khoảng 1.800m, với quảng trường trước ga gắn với tuyến tránh ĐT379. Ga TOD là tổ hợp công trình kiến trúc hiện đại. Xây dựng cao tầng, mật độ xây dựng trung bình.

Về khu vực lân cận, bao gồm: Khu dân cư hiện hữu có diện tích khoảng 35ha, được cải tạo, nâng cấp, tổ chức thành các khu vực ở kết hợp dịch vụ; khu thương mại - dịch vụ phát triển mới có diện tích khoảng 45ha dành để phát triển các công trình thương mại - dịch vụ gắn với ga TOD, có thể có các khu nhà ở xây mới tạo thành khu phố thương mại, dọc theo tuyến đường ĐT.380, Quốc lộ 39; khu vực khác còn lại được dành cho phát triển kho tàng, bến bãi, dịch vụ vận tải đường bộ và các doanh nghiệp công nghiệp có quy mô vừa & nhỏ. Chiều cao trung bình, mật độ xây dựng khuyến khích ở mức thấp.

b) Phân vùng 2: Vùng phát triển công nghiệp, dân cư dịch vụ Hoàn Long - Yên Phú

- Phạm vi: Thuộc địa bàn các xã Hoàn Long, Yên Phú của huyện Yên Mỹ.

- Quy mô: Diện tích khoảng 1.466,83ha; dân số dự báo đến năm 2040 khoảng 18.000 người, trong đó dân số nông thôn hiện hữu khoảng 13.000 người.

- Tính chất: Là khu vực phát triển công nghiệp, thương mại - dịch vụ, khu dân cư mới theo tiêu chuẩn đô thị.

- Định hướng phát triển không gian và hạ tầng xã hội

+ Dành quỹ đất dọc theo tuyến đường liên tỉnh Hà Nội - Hưng Yên (đường tỉnh ĐT.379), diện tích khoảng 300ha cho phát triển công nghiệp, thu hút các nhà đầu tư hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp tham gia triển khai dự án.

+ Ưu tiên dành khu vực xung quanh giao điểm giữa đường ĐT.379 và đường ĐT.392 để phát triển các loại công trình thương mại - dịch vụ. Các khu vực dọc theo đường ĐH.23, đường ĐT.381 và đường dọc Kênh Đông tiếp tục phát triển các khu thương mại - dịch vụ và tiện ích công cộng, có thể phát triển các khu dân cư mới kết hợp dịch vụ. Ưu tiên xây dựng cao tầng, mật độ xây dựng khuyến khích ở mức thấp.

+ Các khu dân cư hiện hữu, diện tích khoảng 260ha, được cải tạo nâng cấp hệ thống công trình hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật. Chiều cao & mật độ xây dựng ở mức thấp.

+ Đối với những khu vực dân cư xây mới có quy mô nhỏ hơn 10 ha (nằm xen lẫn với khu dân cư hiện hữu và các tuyến đường mở mới theo quy hoạch) chủ yếu phát triển các khu nhà ở thấp tầng kết hợp dịch vụ, chủ yếu dành cho các khu tái định cư. Đối với khu vực nằm giữa tuyến đường ĐT.377 và đường ĐT.379 dành để phát triển theo dự án khu đô thị mới hiện đại, trong đó có các khu nhà ở dành cho công nhân của khu vực. Chiều cao & mật độ xây dựng ở mức trung bình, thấp.

+ Tăng cường không gian xanh dọc kênh, sông hiện hữu; khu vực dọc theo tuyến đường cao tốc Hà Nội - Hải Phòng và đường dọc kênh Đông chủ yếu dành cho cây xanh cách ly, cây xanh cảnh quan; tại xã Hoàn Long dành quỹ đất khoảng 20ha, tại xã Yên Phú dành quỹ đất khoảng 14ha cho xây dựng công viên kết hợp công trình thể dục thể thao phục vụ cộng đồng. Cải tạo, kè bờ các dòng sông, kênh trong khu vực phục vụ việc tiêu thoát nước, tôn tạo cảnh quan môi trường.

c) Phân vùng 3: Vùng phát triển du lịch, dân cư dịch vụ Mễ Sở - Bình Minh

- Phạm vi: Thuộc địa bàn xã Mễ Sở (huyện Văn Giang), xã Bình Minh (huyện Khoái Châu).

- Quy mô: Diện tích khoảng 1.024,82ha; dân số dự báo đến năm 2040 khoảng 44.000 người, trong đó khu vực nông thôn hiện hữu khoảng 14.000 người.

- Tính chất: Là khu vực trọng tâm phát triển du lịch gắn với Khu văn hóa, du lịch & dịch vụ thể dục thể thao Chử Đồng Tử (trong đó có sân golf Sông Hồng); phát triển các khu biệt thự và các khu nhà ở sinh thái.

- Định hướng phát triển không gian và hạ tầng xã hội:

+ Khu văn hóa, du lịch & dịch vụ TDTT Chử Đồng Tử được thực hiện theo quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/2000 đã được UBND tỉnh Hưng Yên phê duyệt, trong đó có sân golf sông Hồng có diện tích khoảng 100ha và các khu dịch vụ du lịch gắn với cảng Bình Minh khai thác du lịch đường thủy dọc sông Hồng.

+ Các khu dân cư hiện hữu, diện tích khoảng 280ha, được cải tạo nâng cấp hệ thống công trình hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật.

+ Về phát triển các khu dân cư xây mới: Khoảng 295ha, trong đó có khu biệt thự sinh thái sông Hồng diện tích khoảng 30ha và các khu nhà ở sinh thái thấp tầng khác phát triển bên tuyến đường ĐT.377 và đường ĐT.382.

+ Toàn bộ khu vực này ưu tiên xây dựng thấp tầng, mật độ thấp (trừ công trình câu lạc bộ golf hoặc khách sạn golf có thể xây dựng cao tầng để tạo điểm nhấn cho khu vực).

+ Khai thác quỹ đất phía Nam đường vành đai 4, tiếp giáp khu biệt thự sinh thái sông Hồng và cảng Bình Minh, diện tích khoảng 50ha để xây dựng khu công viên vui chơi giải trí (trong đó có công viên nước). Cải tạo, kè bờ các dòng sông, kênh trong khu vực phục vụ việc tiêu thoát nước, tôn tạo cảnh quan môi trường.

d) Phân vùng 4: Vùng phát triển sinh thái - cảnh quan môi trường Đông Tảo - Ông Đình

- Phạm vi: Phía Bắc giáp đường vành đai IV; phía Nam giáp phân vùng (1); phía Đông giáp phân vùng (2); phía Tây giáp phân vùng (3).

- Quy mô: Diện tích khoảng 1.840,19ha; Dân số dự báo đến năm 2040 khoảng 41.000 người, trong đó dân cư nông thôn hiện hữu khoảng 23.000 người.

- Tính chất: Là khu vực đệm sinh thái, cảnh quan môi trường dọc tuyến trục giao thông liên đô thị kết nối trung tâm đô thị Khoái Châu & Văn Giang với các khu dân cư nông thôn gắn với nông nghiệp chất lượng cao, các khu dân cư mới gắn với dịch vụ nông nghiệp, nông sản hàng hóa.

- Định hướng phát triển không gian và hạ tầng xã hội

+ Về tuyến trục giao thông kết nối liên đô thị có lộ giới 40m, dài khoảng 8km, chạy gần song song với kênh Cấp Tiến. Hai bên tuyến sẽ là các khu vực cảnh quan nông nghiệp, cảnh quan khu dân cư nông thôn gắn với dải không gian xanh dọc kênh Cấp Tiến.

+ Các khu dân cư hiện hữu, diện tích khoảng 620ha, được cải tạo nâng cấp hệ thống công trình hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật. Ngăn chặn mở rộng tự phát bằng hệ thống đường bao cụm dân cư cũ. Đối với những khu vực dân cư xây mới có quy mô nhỏ hơn 10 ha dành để phát triển các khu nhà ở thấp tầng kết hợp dịch vụ và dành cho các khu tái định cư. Xây dựng thấp tầng, mật độ trung bình.

+ Về phát triển nông nghiệp: Diện tích khoảng 800ha, phát triển nông nghiệp sinh thái, chất lượng cao.

e) Phân vùng 5: Vùng phát triển nông thôn - nông nghiệp chất lượng cao Tây Nam Khoái Châu

- Phạm vi: Phía Bắc giáp phân vùng (3); phía Nam giáp sông Hồng & đường cao tốc Chợ Bến - Yên Mỹ; phía Đông giáp phân vùng (1); phía Tây giáp sông Hồng. Thuộc địa bàn các xã Dạ Trạch, Hàm Tử, Tứ Dân, Đông Kết, Bình Kiều, Tân Châu, Liên Khê, Đông Ninh, Đại Tập, Phùng Hưng.

- Quy mô: Diện tích khoảng 4.359,84ha; Dân số dự báo đến năm 2040 khoảng 65.000 người, trong đó dân cư hiện hữu khoảng 59.600 người.

- Tính chất: Là khu ở nông thôn, gắn với vùng đất nông nghiệp chất lượng cao, sản xuất nông sản hàng hóa.

7.3. Quy hoạch sử dụng đất theo các phân vùng

TT	*Loại đất*	*Phân vùng 1 (ha)*	*Phân vùng 2 (ha)*	*Phân vùng 3 (ha)*	*Phân vùng 4 (ha)*	*Phân vùng 5 (ha)*	*Tổng cộng các phân vùng (ha)*	*Tỉ lệ (%)*
	Tổng diện tích	**2.325,84**	**1.466,83**	**1.024,82**	**1.840,19**	**4.359,84**	**11.017,53**	**100,00**
1	Đất trụ sở cơ quan	5,06					5,06	0,05
2	Đất hỗn hợp, thương mại, dịch vụ	174,37	280,10	1,67	31,12	33,09	520,35	4,71
3	Đất công trình công cộng	51,08	8,39	3,13			62,60	0,57
4	Đất giáo dục	25,74	15,06				40,80	0,37
5	Đất khu đô thị hiện hữu	89,09					89,09	0,81
6	Đất khu đô thị mới	340,21					340,21	3,08
7	Đất khu dân cư nông thôn hiện hữu	334,57	258,86	270,70	619,93	1.015,84	2.499,90	22,61
8	Đất khu dân cư phát triển mới		9,09	286,16	110,39	294,04	699,68	6,33
9	Đất tôn giáo			2,29	1,34	6,29	9,92	0,09
10	Đất công	57,16				55,92	113,08	1,02

	nghiệp hiện trạng							
11	Đất công nghiệp quy hoạch mới	302,69	379,16				681,85	6,17
12	Đất dự trữ phát triển	251,15	44,05	11,17			306,37	2,77
13	Đất công trình đầu mối HTKT	61,51	16,04	13,00			90,55	0,82
14	Đất cây xanh TDTT	107,71	182,24	209,15	59,42		558,52	5,05
15	Đất nghĩa trang	1,68					1,68	0,02
16	Đất nông nghiệp	30,99		3,40	797,00	2.078,91	2.910,30	26,32
17	Mặt nước	78,95	33,95	145,70	86,01	664,15	1.008,76	9,12
18	Đất giao thông	413,88	239,89	78,45	134,98	211,60	1.078,81	9,76

7.4. Định hướng kiểm soát phát triển các khu vực đặc thù

- Khu vực ngoài đê sông Hồng: Thực hiện theo Quyết định số 257/QĐ-TTg về việc Phê duyệt Quy hoạch phòng chống lũ và Quy hoạch đê điều hệ thống sông Hồng, sông Thái Bình.

- Các khu vực thuộc hành lang bảo vệ an toàn đê điều, hệ thống HTKT: Thực hiện theo Luật đê điều 2006; Nghị định 100/2013/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung Nghị định 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ về Quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

- Các di tích lịch sử - văn hóa, công trình tôn giáo tín ngưỡng được bảo tồn, tôn tạo.

- Cải tạo, kè bờ các dòng sông, kênh trong khu vực phục vụ việc tiêu thoát nước, tôn tạo cảnh quan môi trường khu vực bãi sông Hồng, khu vực xanh dọc các tuyến sông; xây dựng các tuyến giao thông chạy dọc theo các tuyến sông, kênh (lộ giới tối thiểu 12,5m) nhằm tạo điều kiện cho cộng đồng tiếp cận cảnh quan dọc sông, khống chế việc quay lưng các công trình kiến trúc ra sông, kênh.

7.5. Định hướng kiểm soát phát triển hai bên tuyến trục giao thông quan trọng

- Đoạn ngoài đô thị: Quản lý đảm bảo hành lang an toàn đường bộ, khuyến khích tạo khoảng lùi, hạn chế tối đa hiện tượng phố hóa các tuyến đường tỉnh.

- Đoạn qua đô thị: Thực hiện theo các định hướng, quy định của đồ án quy hoạch chung, quy hoạch phân khu được lập sau này.

8. Định hướng phát triển hệ thống giao thông

a) Giao thông đối ngoại

- Đường bộ

+ Cao tốc Hà Nội - Hải Phòng: Quy mô theo tiêu chuẩn đường cao tốc loại A, tổng mặt cắt rộng 100m, bao gồm cả đường gom dân sinh.

+ Cao tốc Chợ Bến - Yên Mỹ: Quy mô theo tiêu chuẩn đường cao tốc loại A.

+ Vành đai 4 vùng Hà Nội: Quy mô theo tiêu chuẩn đường cao tốc loại A, tổng chiều rộng mặt cắt ngang 120m.

+ Nâng cấp, cải tạo các tuyến đường tỉnh, đường huyện. Đảm bảo hành lang đất bảo vệ, bảo trì và hành lang an toàn đường bộ đối với các tuyến đường ngoài đô thị.

- Đường sắt: Đường sắt quốc gia, Đường sắt tốc độ cao, Đường sắt nội vùng. Xây mới ga Khoái Châu tại địa phận xã Minh Châu.

- Đường thủy: Cảng Mễ Sở đến năm 2030 đạt công suất 500 ngàn tấn/năm. Bến tàu khách Bình Minh. Các bến bốc xếp vật liệu xây dựng: Mễ Sở, Tứ Dân, Phương Trù, Tân Châu, Đông Ninh, Đại Tập 1, Đại Tập 2, Đại Tập 3 và Đại Tập 4.

b) Định hướng giao thông đô thị

Các tuyến trục chính có lộ giới từ 30 - 60m; các tuyến khu vực có lộ giới từ 25 - 30m; các tuyến đường nội khu có lộ giới từ 15m.

c) Định hướng giao thông công cộng

- Đường bộ: Sử dụng hệ thống xe bus làm phương thức chủ đạo.

- Đường sắt nội vùng: Kết nối khu vực nghiên cứu với thành phố Hưng Yên và các vùng phụ cận.

- Đường thủy sông Hồng: Đảm nhận vai trò vận chuyển dọc sông và ngang sông, tuyến vận chuyển phục vụ du lịch, sản xuất nông nghiệp, thông thương giữa hai bờ.

9. Định hướng san nền và thoát nước mưa

a) Quy hoạch san nền: Cao độ khống chế cho toàn vùng: $H \geq 3,5$m, cao độ san nền trung bình +3,8m. Hướng thoát ra sông, kênh tiêu trong khu vực.

b) Hệ thống thoát nước mưa

Toàn vùng phân ra làm 4 lưu vực thoát nước chính:

- Lưu vực 1: Khu vực ngoài bãi sông Hồng, nước mưa của lưu vực này được thoát ra sông Hồng qua các trạm bơm cưỡng bức.

- Lưu vực 2: Khu vực kẹp giữa đường ĐT.378 và kênh Tây, nước mưa của lưu vực này được thoát ra sông Mười và sông Tây Tân Hưng.

- Lưu vực 3: Khu vực kẹp giữa kênh Tây và kênh Đông, nước mưa của lưu vực này được thoát ra sông Từ Hồ - Sài Thị, kênh Cấp Tiến, sông Ngưu Giang, sông Đồng Quê.

- Lưu vực 4: Khu vực kẹp giữa kênh Đông và đường cao tốc Hà Nội - Hải Phòng, nước mưa của khu vực này được thoát ra sông Điện Biên và sông Đồng Than.

c) Thuỷ lợi

+ Tiến hành nạo vét, kiên cố hóa bờ các kênh tưới và tưới tiêu kết hợp.

+ Cải tạo nâng cấp các trạm bơm tưới tiêu kết hợp hiện có: TB Liên Khê, Bắc Đầm Hồng, Tây Phùng Hưng, Minh Châu, Đồng Tiến và các trạm bơm tưới hiện có như TB Tân Châu, Trung Châu, Kim Ngưu, Chùa Rồng.

d) Hệ thống đê: Củng cố, tu bổ hệ thống đê điều đảm bảo an toàn chống lũ với mức lũ thiết kế đã đề ra cụ thể như sau: Đối với sông Hồng mực nước lũ thiết kế là +8,3m, mặt đê có cao độ gia thăng trung bình từ 0,7m đến 1,0m.

10 Định hướng phát triển hệ thống cấp nước

Nhu cầu và nguồn nước: Tổng nhu cầu dùng nước toàn khu vực dự báo đến năm 2040 là: 56.400 m^3/ngày.

- Nâng công suất các nhà máy nước: Bình Minh lên 3.000 m^3/ngđ khai thác nguồn nước mặt sông Hồng; Thuần Hưng - Đại Hưng lên 5.000 m^3/ngđ đang thi công chuyển nguồn cấp từ sông Hồng; Dạ Trạch lên 20.000 m^3/ngđ khai thác nguồn nước mặt sông Hồng; Hồng Tiến lên 10.000 m^3/ngđ khai thác nguồn nước mặt sông Hồng; Dân Tiến - Đồng Tiến lên 3.000 m^3/ngđ khai thác nguồn nước mặt sông Hồng; Khoái Châu lên 3.000 m^3/ngđ khai thác nguồn nước mặt sông Hồng; Phùng Hưng lên 6.000 m^3/ngđ khai thác nguồn nước mặt sông Hồng; Yên Phú (Thịnh Phát) lên 12.200 m^3/ngđ khai thác nguồn nước mặt.

11. Định hướng phát triển hệ thống cấp điện

- Tổng nhu cầu cấp điện toàn khu vực nghiên cứu được dự báo đến năm 2040 là: 140MW.

- Xây dựng mới trạm 220kV Yên Mỹ có công suất 2x125MVA. Để đảm bảo nhu cầu cấp điện, cần xây mới và nâng công suất các trạm 110kV sau: Xây mới trạm 110kV nối cấp Yên Mỹ (110/22kV) có công suất 1x40MVA nằm trong trạm 220kV Yên Mỹ. Xây mới trạm 110kV Khoái Châu 2 (110/22kV) có công suất 1x40MVA.Cải tạo trạm 110kV Khoái Châu (110/35/22kV) 63MVA thành (110/35/22kV)-2x63MVA.

12. Định hướng phát triển hệ thống thông tin liên lạc

Đầu tư xây dựng và hoàn thiện cơ sở hạ tầng thông tin liên lạc, đảm bảo cung cấp đầy đủ các loại hình dịch vụ viễn thông. Ngầm hóa hệ thống cáp thông tin liên lạc tại khu vực trung tâm đô thị, các khu đô thị mới & khu vực công trình công cộng đô thị. Từng bước hạ ngầm cáp thông tin liên lạc tại các khu đô thị hiện hữu.

13. Định hướng thoát nước thải và vệ sinh môi trường

a) Thoát nước thải

+ Đối với phân vùng (1): Tổng lượng nước thải sinh hoạt cần xử lý đến năm 2040 khoảng 7.000m^3/ngày đêm. Xây dựng hệ thống thoát nước thải riêng, nước mưa riêng. Toàn bộ nước thải được thu gom đưa về 2 trạm làm sạch để xử lý tập trung với công suất dự kiến TXLSH1: 3.000 m^3/ngđ, TXLSH2: 4.000 m^3/ngđ.

+ Đối với phân vùng (2): Nước thải sinh hoạt sẽ xử lý theo kiểu bể tự hoại cải tiến (Bastafat).

+ Đối với phân vùng (3): Xây dựng hệ thống thoát nước thải riêng, nước mưa riêng. Toàn bộ nước thải được thu gom đưa về TXLSH3 5.000 m^3/ngđ.

+ Phân vùng (4) & (5): Các hộ gia đình xây dựng nhà vệ sinh hợp quy, hầm bể Bioga.

- Nước thải công nghiệp: Tổng lượng nước thải công nghiệp cần xử lý đến năm 2040 khoảng 15.500 m^3/ngày đêm. Hệ thống thoát nước và trạm làm sạch tập trung theo dự án riêng của từng loại hình công nghiệp.

- Nước thải y tế: Bệnh viện cấp huyện phải có hệ thống thu gom và xử lý nước thải tập trung. Thường chọn công nghệ DEWATS.

b) Chất thải rắn và nghĩa trang

- Tổng lượng chất thải rắn sinh hoạt đến năm 2040 khoảng 170 tấn/ngày; chất thải rắn công nghiệp đến năm 2040 khoảng 97 tấn/ngày.

- Toàn bộ chất thải rắn thu gom chuyển về khu xử lý: Khu xử lý chất thải rắn quy hoạch tại huyện Kim Động (phục vụ xử lý rác thải cho toàn huyện Yên Mỹ và Khoái Châu); khu xử lý chất thải Đại Đồng - huyện Văn Lâm (phục vụ xử lý rác thải cho toàn huyện Văn Giang, Văn Lâm). Chất thải rắn y tế, chất thải nguy hại sẽ xử lý bằng lò đốt.

- Định hướng quy hoạch nghĩa trang:

+ Huyện Văn Giang nghĩa trang tại xã Mễ Sở, diện tích khoảng 13ha.

+ Huyện Yên Mỹ nghĩa trang tại xã Lý Thường kiệt, diện tích khoảng 20ha.

+ Huyện Khoái Châu nghĩa trang tại xã Nhuế Dương, diện tích khoảng 15ha.

Điều 2. Chủ đầu tư chủ trì, phối hợp với UBND các huyện: Văn Giang, Yên Mỹ, Khoái Châu và các sở, ngành liên quan triển khai công bố quy hoạch, xác định chỉ giới xây dựng; làm căn cứ để triển khai các bước tiếp theo của Dự án theo quy định hiện hành, quản lý xây dựng theo đúng Quy hoạch được phê duyệt.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Giao thông Vận tải, Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Kho bạc nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện: Văn Giang, Yên Mỹ, Khoái Châu và thủ trưởng các cơ quan có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KT1[D].

TM. UỶ BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN

Bùi Thế Cử

Ủy ban nhân dân Tỉnh Hưng Yên
Giờ ký: 11/10/2019 16:00:43